ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21 /2019/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành "Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội"

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 20/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 20/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/03/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Xét đề nghị của Liên Sở: Công Thương - Tài chính tại Tờ trình số 4077/TTr: SCT-STC ngày 22/8/2019 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại các Công văn: số 79/BC-STP ngày 27/3/2019 và số 1941/STP-VBQP ngày 17/6/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31. tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định quản lý kinh phí khuyến công và mức hỗ trợ các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- TTr: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các báo: HNM, KT&ĐT; Đài PT&TH HN;
- VPUB: CVP, Các PCVP, các phòng CV, Trung tâm THCB, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT, KT Vân.

28089- CS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21 / 10 /2019 của UBND thành phố Hà Nội)

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công (sau đây gọi là Nghị định số 45/2012/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

1. Ngân sách cấp Thành phố bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công do UBND Thành phố giao Sở Công Thương chủ trì thực hiện trên địa bàn toàn Thành phố. Ngân sách cấp huyện, thị xã (gọi tắt là ngân sách cấp huyện) đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến công do UBND cấp huyện tổ chức thực hiện trên địa bàn huyện, thị xã, nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn tại huyện, thị xã.

2. Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, việc huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công địa phương bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Sở Công Thương, UBND cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn có ý nghĩa trên địa bàn Thành phố phù hợp với chiến lược, quy hoạch của Thành phố.

2. Kinh phí khuyến công cấp Thành phố, cấp huyện đảm bảo chi không trùng lặp về nội dung, đối tượng đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách khác của Trung ương và Thành phố.

3. Đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức đấu thầu và các phương thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án khuyến công phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ, đề án khuyến công được Ủy ban nhân dân Thành phố, UBND cấp huyện phê duyệt trong Kế hoạch khuyến công hàng năm.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng kinh phí khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào từ ngân sách Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

5. Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

Chương II: NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

Điều 6. Nội dung chi hoạt động khuyến công Thành phố

1. Đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động; đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn.

2. Hỗ trợ hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước, ngoài nước để nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp; đào tạo khởi sự doanh nghiệp; thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn; ứng dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại và chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

4. Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu; hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Hoạt động tư vấn: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

6. Tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động trong lĩnh vực khuyến công; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác và phát triển công thương.

7. Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế phát triển cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

a) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập, xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp.

b) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, xây dựng kết cấu hạ tầng; chi tổ chức hội nghị, hội thảo và diễn đàn về thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

c) Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp.

d) Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

8. Hợp tác quốc tế về khuyến công:

a) Xây dựng các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công và sản xuất sạch hơn.

b) Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam thông qua hội nghị, hội thảo và diễn đàn.

c) Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

9. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

a) Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

b) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn.

c) Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hà Nội.

d) Thù lao cho cộng tác viên để duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công.

đ) Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm.

e) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công.

10. Các khoản chi khác phục vụ công tác khuyến công.

Điều 7. Mức chi hoạt động khuyến công:

1. Mức chi chung của hoạt động khuyến công:

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng (bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại trong thời gian học nghề cho học viên là thợ giỏi và nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giáo viên dạy nghề).

c) Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

d) Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, hội chợ triển lãm, hội thảo và diễn đàn tại nước ngoài áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

đ) Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn tại Việt Nam áp dụng theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

e) Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công, áp dụng theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

g) Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công áp dụng theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 5 tháng 12 năm 2018 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

h) Chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2014 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

i) Chi ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập trang thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

k) Chi thuê chuyên gia áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

l) Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc phục vụ hoạt động khuyến công cho Trung tâm Khuyến công và Phát triển công nghiệp thành phố Hà Nội. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, phương tiện làm việc của Trung ương và Thành phố.

2. Mức chi hỗ trợ để thực hiện các hoạt động khuyến công trên địa bàn Thành phố.

a) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

- Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng tối đa 1.000 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 100 triệu đồng/mô hình.

b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng tối đa 500 triệu đồng/mô hình.

c) Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa 300 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

d) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ tại Hà Nội, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, thông tin tuyên truyền, chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm (Khai mạc, Bế mạc, hội thảo, trình diễn sản phẩm, ...) trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước, mức hỗ trợ là 80% giá thuê gian hàng.

đ) Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Hà Nội (bao gồm cả gian hàng Thành phố nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Hà Nội (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chi hoạt động xúc tiến thương mại khác để thực hiện mục tiêu khuyến công, căn cứ vào hoạt động xúc tiến thương mại được cấp có thẩm quyền giao, mức chi được áp dụng theo Nghị quyết 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND Thành phố về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

e) Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài: hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay, số người được hỗ trợ theo quyết định của UBND Thành phố.

g) Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố:

- Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố. Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/lần.

- Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Mức chi đạt giải cấp Thành phố 05 triệu đồng/sản phẩm đạt giải.

h) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

i) Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng tối đa 35 triệu đồng/cơ sở.

k) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; Tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

l) Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa 150 triệu đồng/cụm liên kết.

m) Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư); Mức hỗ trợ 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng tối đa 500 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

n) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng tối đa 300 triệu đồng/cơ sở.

o) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng tối đa 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

p) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

q) Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 6.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.

r) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Đối với cấp Thành phố, mức chi theo dự toán được UBND Thành phố phê duyệt, Đối với cấp huyện, mức chi theo dự toán được UBND huyện phê duyệt.

s) Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

t) Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn:

- Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

- Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

u) Chi quản lý, chương trình đề án khuyến công: Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công được giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do UBND Thành phố phê duyệt đối với hoạt động khuyến công Thành phố và UBND huyện, thị xã phê duyệt đối với hoạt động khuyến công cấp huyện.

Chương III: LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN

Điều 8. Lập, chấp hành và quyết toán

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các quy định tại Quy chế này.

1. Lập và phân bổ dự toán:

a) Đối với kinh phí khuyến công cấp Thành phố

- Hàng năm, căn cứ số kiểm tra được cấp có thẩm quyền thông báo; căn cứ vào chương trình khuyến công và mức chi tại quy định này, Sở Công Thương

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

lập dự toán kinh phí khuyến công Thành phố để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình UBND Thành phố theo quy định hiện hành.

- Căn cứ dự toán được giao, Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch khuyến công Thành phố chi tiết theo nội dung quy định gửi Sở Tài chính kiểm tra theo quy định hiện hành.

b) Đối với kinh phí khuyến công cấp huyện:

UBND huyện, thị xã quyết định việc lập, phân bổ, giao dự toán kinh phí khuyến công từ nguồn ngân sách cấp huyện đảm bảo phù hợp với tổ chức khuyến công địa phương và pháp luật về ngân sách Nhà nước.

2. Chấp hành dự toán:

a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị gửi hồ sơ, chứng từ đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện kiểm soát.

b) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi cho đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Riêng mức tạm ứng cho các đề án, nhiệm vụ khuyến công không quá 70% tổng kinh phí khuyến công hỗ trợ trên cơ sở hợp đồng thực hiện

3. Công tác hạch toán, quyết toán

a) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến công, có trách nhiệm hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công vào loại 280 khoản 309 "hoạt động khuyến công", theo chương tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

b) Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công do đơn vị thực hiện thông qua hình thức ký hợp đồng với cơ quan chủ trì, chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan chủ trì, gồm: Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo dự toán chi tiết kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác theo quy định. Các chứng từ chi tiêu của đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khuyến công được lưu tại đơn vị.

c) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến công cấp Thành phố và cấp huyện phải quyết toán kinh phí năm đã sử dụng và tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị và báo cáo tổng quyết toán của ngân sách huyện, thị xã. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và xét duyệt báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; là đầu mối tổng hợp, giải quyết hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) liên quan đến công tác khuyến công trên địa bàn Thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan nghiên cứu, báo cáo UBND Thành phố quy định về phân cấp quản lý nhà nước và nhiệm vụ chi trong lĩnh vực khuyến công trên địa bàn Thành phố.

c) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công thành phố Hà Nội từng năm hoặc giai đoạn trình UBND Thành phố phê duyệt; tham mưu báo cáo UBND Thành phố phê duyệt quy định về quy trình và tiêu chí lựa chọn các dự án, đề án và đơn vị được hỗ trợ kinh phí khuyến công Thành phố, quy định về việc thành lập mạng lưới cộng tác viên khuyến công để triển khai hoạt động khuyến công đến cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ và các quy định về tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công Thành phố đảm bảo phù hợp với các chính sách hiện hành.

d) Quản lý sử dụng kinh phí khuyến công của Thành phố đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

e) Lập kế hoạch và phối hợp Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, nhiệm vụ khuyến công Thành phố.

f) Theo dõi, đánh giá, định kỳ 3 tháng tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Công thương về hoạt động khuyến công trên địa bàn Thành phố;

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Công Thương tham mưu cân đối bố trí kinh phí khuyến công Thành phố theo quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện, quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng các quy định trong quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

3. Các sở, ban, ngành liên quan

a) Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ đã được phân công trong Kế hoạch khuyến công Thành phố hàng năm, phối hợp với Sở Công Thương trong việc tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Công Thương lồng ghép các chương trình, kế hoạch khác có sử dụng ngân sách với chương trình khuyến công đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh chồng chéo.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công cấp Thành phố và tổng hợp gửi về Sở Công Thương (Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hà Nội) để tổng hợp trình UBND Thành phố xem xét quyết định.

b) Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc triển khai công tác khuyến công trên địa bàn huyện, thị xã đảm bảo đạt mục tiêu, thiết thực, hiệu quả.

c) Định kỳ hàng quý, năm báo cáo Sở Công Thương tình hình thực hiện công tác khuyến công và công nghiệp nông thôn trên địa bàn để tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương và UBND Thành phố.

d) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và các quy định tại Quy chế này, xem xét bố trí ngân sách cấp huyện để triển khai các hoạt động khuyến công cấp huyện ngoài các hoạt động khuyên công cấp Thành phố do Sở Công Thương triển khai thực hiện.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố liên quan đến công tác khuyến công có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Khi quy định tại các văn bản trích dẫn trong Quy chế này thay đổi thì được áp dụng theo quy định tại các văn bản mới bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật